

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 24 tháng 03 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty : Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Mã chứng khoán : BSP
Địa chỉ : Khu công nghiệp Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại : 0210.3650.688
Fax : 0210.3650.686
Loại công bố thông tin : 24h Bất thường Định kỳ Khác

Nội dung CBTT:

Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2019.

Thông tin này đã được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: <http://saigonphutho.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN – PHÚ THỌ

Người được UQ CBTT





Trần Thị Liên



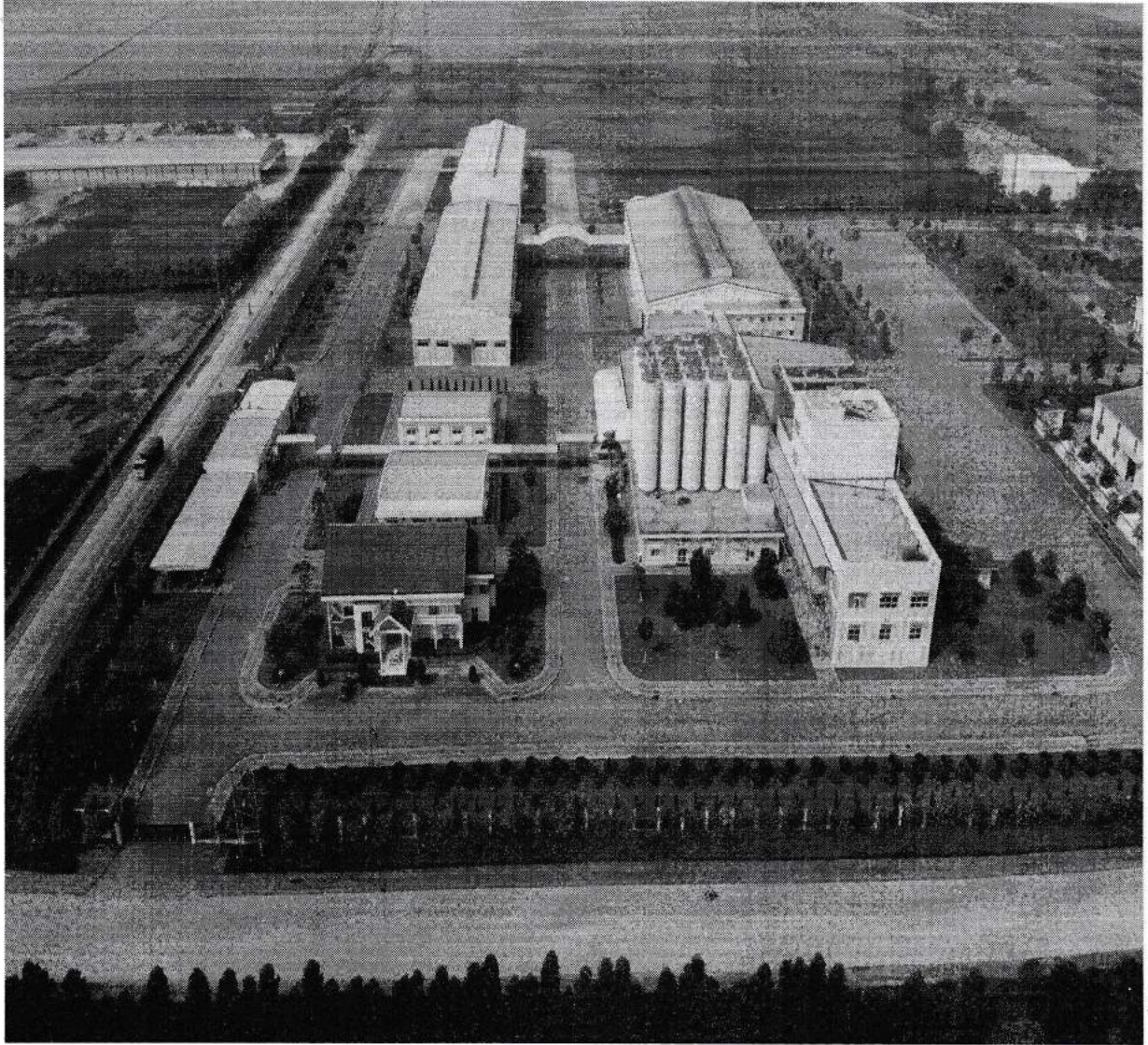
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN- PHÚ THỌ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2019



Phú Thọ, tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**



NĂM 2019



MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| I. Thông tin chung | 1 |
| 1. Thông tin khái quát | 1 |
| 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh..... | 1 |
| 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 1 |
| 4. Định hướng phát triển | 4 |
| 5. Các rủi ro..... | 5 |
| II. Tình hình hoạt động trong năm..... | 6 |
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh..... | 6 |
| 2. Tổ chức và nhân sự..... | 7 |
| 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án | 10 |
| 4. Tình hình tài chính..... | 10 |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu)..... | 11 |
| 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty | 12 |
| 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: | 12 |
| 6.2. Tiêu thụ năng lượng:..... | 12 |
| 6.3. Tiêu thụ nước:..... | 12 |
| 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: | 12 |
| 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động..... | 13 |
| 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương..... | 13 |
| 6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không | 14 |
| III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc..... | 14 |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 14 |
| 2. Tình hình tài chính..... | 14 |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý..... | 16 |
| 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: | 16 |
| IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty | 17 |
| 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội. | 17 |
| 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:..... | 17 |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: | 17 |
| V. Quản trị công ty. | 18 |
| 1. Hội đồng quản trị | 18 |
| 2. Ban Kiểm soát..... | 23 |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát | 26 |
| VI. Báo cáo tài chính | 27 |
| 1. Ý kiến kiểm toán:..... | 27 |
| 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán..... | 27 |

DANH MỤC BẢNG BIỂU

| | |
|---|----|
| Bảng số 1: Các chỉ tiêu đạt được | 6 |
| Bảng số 2: Cơ cấu lao động | 9 |
| Bảng số 3: Tình hình tài chính | 10 |
| Bảng số 4: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 10 |
| Bảng số 5: Cơ cấu cổ đông | 11 |
| Bảng số 6: Tình hình tài sản | 15 |
| Bảng số 7: Tình hình công nợ | 15 |
| Bảng số 8: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2019..... | 22 |
| Bảng số 9: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát..... | 26 |
| Sơ đồ số 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức | 2 |

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600393941 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 30/5/2007, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 15/04/2014
- Vốn điều lệ: 125.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 125.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng)
- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
- Số điện thoại: (0210) 3650 688
- Số fax: (0210) 3650 686
- Website: <http://saigonphutho.com.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): BSP

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ là đơn vị liên kết với Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và được thành lập năm 2007 với vốn điều lệ 125.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 2600393941 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp lại lần 3 ngày 15/4/2014. Sau khi được thành lập, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ thực hiện dự án xây dựng nhà máy Bia với mức đầu tư khoảng 433 tỷ đồng, công suất 50 triệu lít/năm. Nhà máy được trang bị dây chuyền sản xuất đồng bộ, tiên tiến của tập đoàn Krones Cộng hòa liên bang Đức kết hợp với một số thiết bị trong nước.

Tháng 8/2010 nhà máy chính thức đi vào hoạt động với sản phẩm chủ yếu là bia lon Sài Gòn.

Ngày 03/08/2016, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán Upcom.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
 - + Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
 - + Khách sạn;
 - + Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
 - + Sản xuất rượu vang.
- Địa bàn kinh doanh:
Chủ yếu ở khu vực miền Bắc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Xuất phát từ đặc điểm sản phẩm, quy trình sản xuất và nguyên tắc hoạt động, để đảm bảo kinh doanh hiệu quả, Công ty đã xây dựng tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với chức

năng nhiệm vụ của từng phòng ban, phân xưởng sản xuất.

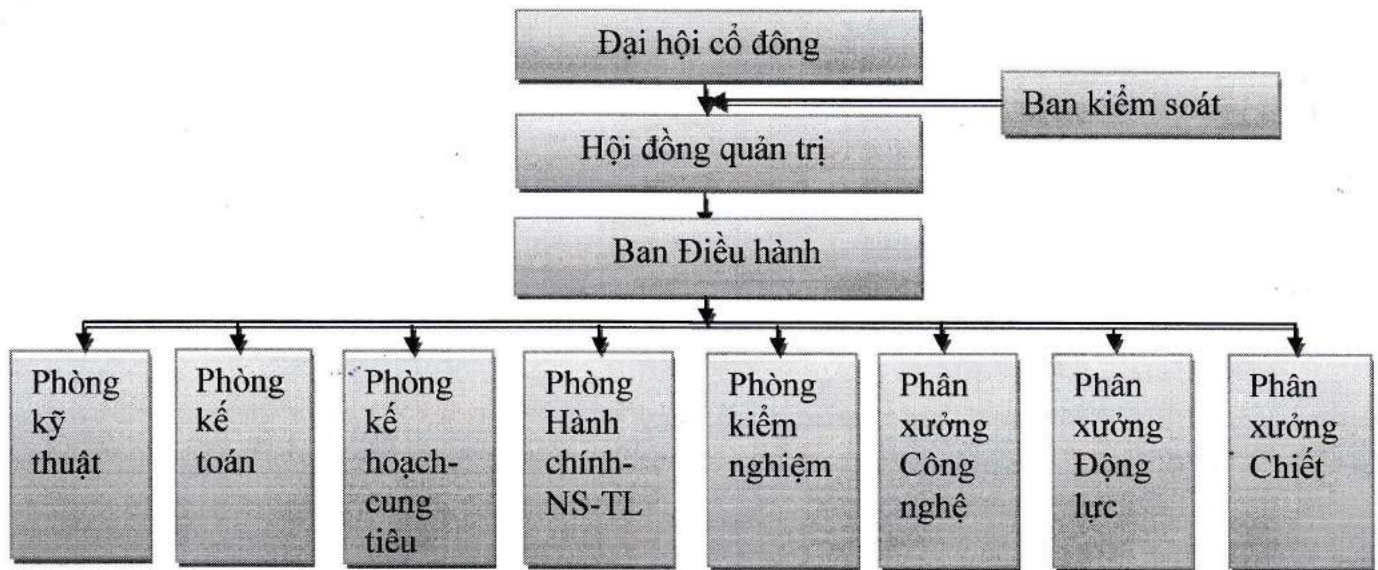
Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

- **05 phòng ban:** Phòng Kỹ thuật, Phòng Hành chính - Nhân sự - Tiền lương; Phòng Tài chính kế toán; Phòng Kế hoạch - Cung tiêu, Phòng kiểm nghiệm.

- **03 phân xưởng:** Phân xưởng Công nghệ, phân xưởng Động lực, phân xưởng Chiết.

3.2. Mô hình quản trị

Sơ đồ số 1: Sơ đồ Bộ máy quản lý



(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

⚡ Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban như sau:

▪ Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty cổ phần và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ.

▪ Hội đồng quản trị:

Là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Hội đồng quản trị gồm:

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| 1- Ông Nguyễn Ngọc Châu | - Chủ tịch HĐQT |
| 2- Ông Bùi Văn Thiêng | - Thành viên HĐQT |
| 3- Bà Nguyễn Thu Hương | - Thành viên HĐQT |
| 4- Ông Võ Sỹ Dũng | - Thành viên HĐQT |
| 5- Ông Lê Hoài Thanh | - Thành viên HĐQT |

▪ **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 (ba) thành viên. Ban kiểm soát Công ty có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Ban Kiểm soát gồm:

- | | |
|------------------------------|--|
| 1- Ông Nguyễn Tiến Thọ | - Trưởng BKS |
| 2- Bà Đoàn Thị Xuân Duyên | - Thành viên BKS(miễn nhiệm từ 30/3/2019) |
| 3- Bà Nguyễn Thị Hương Giang | - Thành viên BKS. |
| 4- Bà Nguyễn Hồ Bảo Ngọc | - Thành viên Ban kiểm soát (từ ngày 30/3/2019) |

▪ **Ban Điều hành:**

Bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Ban Điều hành do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban Điều hành hiện tại gồm: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng:

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| 1- Ông Bùi Văn Thiềng | - Giám đốc |
| 2- Ông Vũ Danh Tuyên | - Phó Giám đốc |
| 3- Bà Trần Bích Thủy | - Kế toán trưởng. |

▪ **Phòng Kỹ thuật**

Chịu trách nhiệm trong công tác tổ chức điều hành, thực hiện, kiểm tra, báo cáo kết quả công tác kỹ thuật công nghệ, chất lượng sản phẩm, môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm; Xây dựng các yêu cầu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, vật tư nguyên liệu; Xây dựng, giám sát, định mức kinh tế kỹ thuật, máy móc thiết bị, tài liệu công nghệ theo quy định của Công ty; Giám sát việc bảo dưỡng, bảo trì thiết bị sản xuất; Giám sát cơ sở hạ tầng... Ngoài ra, Phòng tham gia nghiên cứu các giải pháp công nghệ, các thành tựu kỹ thuật tiên tiến và hoạt động sản xuất, phát triển sản phẩm mới.

▪ **Phòng Hành chính – Nhân sự - Tiền lương**

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, quy hoạch cán bộ; Lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng lao động, xây dựng định mức lao động và đơn giá tiền lương hàng năm; Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng quy chế trả lương, thưởng. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo luật định và quy chế của Công ty; Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch bảo vệ, an ninh, quốc phòng, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt hàng năm. Theo dõi công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

▪ **Phòng Tài chính kế toán**

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về lĩnh vực tài chính kế toán. Phòng có chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm; Tổ chức công tác kế toán hạch toán, lập báo cáo tài chính theo quy định và các báo cáo quản trị theo yêu cầu của Công ty. Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc lập hóa đơn chứng từ ban đầu cho công tác hạch toán kế toán; hướng dẫn, tổng hợp báo cáo thống kê.

▪ **Phòng Kế hoạch - Cung tiêu**

Chịu trách nhiệm về Kế hoạch sản xuất, tiêu thụ; Mua vật tư, nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất; Quản lý các kho trong Công ty; Tư vấn Ban lãnh đạo về việc tiêu thụ và phát triển sản phẩm mới. Kết hợp với các phòng ban để xây dựng kế hoạch sản xuất cho từng tháng và cả năm.

▪ **Phân xưởng Chiết**

Vận hành dây chuyền chiết bia lon và bia hơi theo đúng quy trình công nghệ sản xuất và đảm bảo an toàn lao động; Tiếp nhận bia sau lọc từ bộ phận lọc để chiết bia; Phối hợp với Phòng kỹ thuật và phân xưởng Động lực để thực hiện việc bảo trì bảo dưỡng thiết bị cho toàn dây chuyền; Thực hiện, theo dõi đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật tại phân xưởng.

▪ **Phân xưởng Động lực**

Vận hành các hệ thống thiết bị động lực và hệ thống xử lý nước thải đúng theo quy trình công nghệ sản xuất và đảm bảo an toàn lao động; Đề xuất các biện pháp cần thiết nhằm tiết kiệm năng lượng; Phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch bảo trì thiết bị, kế hoạch đào tạo, kế hoạch bảo hộ lao động của đơn vị hàng năm.

Vận hành các hệ thống xử lý nước và xử lý nước thải đúng theo quy trình công nghệ sản xuất và đảm bảo an toàn lao động. Thực hiện theo dõi, đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật tại Phân xưởng

▪ **Phân xưởng công nghệ**

Thực hiện kiểm soát đầu vào quá trình nấu, lên men và lọc; Tổ chức nhận vật tư, nguyên phụ liệu bổ sung vào công đoạn nấu – lên men- lọc; Vận hành thiết bị, máy móc tại Phân xưởng và thực hiện đảm bảo an toàn lao động trong quá trình sản xuất để đáp ứng yêu cầu sản xuất dịch đường theo kế hoạch sản xuất đã được lãnh đạo duyệt; Cung cấp dịch đường lạnh cho bộ phận lên men theo kế hoạch chất lượng, kế hoạch sản xuất và theo yêu cầu của bộ phận Lên men; Thực hiện quá trình lên men thành bia và lọc bia; Cung cấp bia cho quá trình Chiết rót. Thực hiện, theo dõi đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật tại phân xưởng.

▪ **Phòng kiểm nghiệm.**

Kiểm tra chất lượng các vật tư, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và chất lượng bán thành phẩm, thành phẩm tại các công đoạn; Phối hợp với các đơn vị khác trong việc xử lý các sản phẩm không phù hợp trong quá trình sản xuất.

- Các công ty con và công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
- + Ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất và kinh doanh đề ra;
- + Duy trì cung cấp các sản phẩm bia chất lượng cao, an toàn và bổ dưỡng gắn liền với việc đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm.
- + Từng bước hoàn thiện đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về chuyên môn và kỹ năng mềm.
- + Duy trì hợp tác với các khách hàng và nhà cung cấp, các đại lý trên tinh thần bình đẳng cùng có lợi vì sự phát triển của các bên.

- + Sử dụng vốn hiệu quả, tạo việc làm ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích của cổ đông và tuân thủ các Nghĩa vụ với Nhà nước.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
- + Công ty tập trung đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định bằng việc nâng cao chất lượng sản phẩm bia các loại mang lại sự hài lòng cho khách hàng;
- + Kiên trì với mục tiêu phát triển thị trường bia hơi trên cơ sở đảm bảo chất lượng sản phẩm và chất lượng thị trường.
- + Thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng, tăng năng suất lao động đảm bảo chất lượng sản phẩm gắn liền với bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, tiết kiệm vật tư, nguyên phụ liệu và năng lượng.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Với mục tiêu hoạt động là phát triển Công ty gắn liền tinh thần trách nhiệm với môi trường, xã hội, quan tâm đến các lợi ích cộng đồng. Công ty luôn ý thức được vai trò và nghĩa vụ của mình, sau đây là các mục tiêu đối với Môi trường và xã hội:

- Đối với môi trường:
 - + Tuân thủ các quy định của Luật bảo vệ môi trường, đảm bảo nước thải được xử lý đạt theo quy định trước khi thải ra môi trường; các chất thải nguy hại được thu gom và xử lý đúng.
 - + Nghiên cứu sử dụng các nguồn nguyên nhiên liệu thay thế không gây ô nhiễm môi trường, tiếp tục sản xuất ổn định nhằm tạo công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn.
 - + Tiết kiệm năng lượng, giảm tiêu hao tài nguyên trong quá trình sản xuất.
- Đối với an toàn thực phẩm
 - + Công ty tuân thủ các quy định của cơ quan chức năng về các vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm. Duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000: 2018.
- Đối với cộng đồng xã hội.
 - + Công ty luôn dành sự quan tâm đối với an sinh xã hội, ủng hộ người nghèo, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, học sinh nghèo vượt khó tại địa phương.

5. Các rủi ro

⚡ Rủi ro trong hoạt động sản xuất và kinh doanh:

Hiệu quả sản xuất và kinh doanh phụ thuộc phần lớn vào kế hoạch giao và xuất hàng của Tổng công ty Cổ phần Bia, Rượu, NGK Sài Gòn.

Sự cạnh tranh khốc liệt của các hãng bia trong và ngoài nước.

Kế hoạch sản xuất bia hơi phụ thuộc vào thời tiết và sản xuất theo mùa.

⚡ Rủi ro luật pháp:

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật an toàn thực phẩm, Luật môi trường, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện,

sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới vẫn đang từng bước xây dựng và hoàn chỉnh nên Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

✦ **Rủi ro về đặc thù hoạt động:**

Do sản lượng bia lon và nhiều nguyên vật liệu, phụ gia chính để sản xuất, tiêu thụ sản phẩm phụ thuộc chủ yếu vào SABECO nên Công ty có thể gặp một số rủi ro khi SABECO thay đổi chính sách với các Công ty liên kết. Bên cạnh đó chiến lược kinh doanh của SABECO cũng ảnh hưởng đến giá cả cung cấp nguyên vật liệu cũng như giá thu mua bia lon thành phẩm tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Với việc nắm giữ 27,03% vốn điều lệ của Công ty, các ý kiến biểu quyết của SABECO tại Đại hội đồng cổ đông rất cần sự đồng thuận của SABECO qua đó giúp định hướng và các chiến lược sản xuất và kinh doanh được thực hiện hiệu quả mang lại giá trị kinh tế cho các cổ đông. Trong trường hợp không nhận được sự đồng thuận của SABECO, có thể Công ty sẽ không có nhiều sự đổi mới để tận dụng được các cơ hội trong sản xuất và kinh doanh.

✦ **Rủi ro về môi trường.**

Các sự cố về cháy nổ có thể xảy ra: Cháy có thể sinh ra do chập điện, cháy các loại bao bì, nhãn mác, vật tư, thiết bị, máy móc, nhà xưởng... Ngoài những thiệt hại về tài sản, vật chất, con người, hậu quả của các đám cháy sẽ rất nặng nề nếu lan sang các kho chứa. Khói của đám cháy có thể mang theo nhiều loại hoạt chất, làm ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước, gây ảnh hưởng trên diện rộng bao gồm khu dân cư, các cơ sở sản xuất công nghiệp, người và phương tiện giao thông trên đường. Sự cố có thể gây thương vong, ngộ độc.

Sự cố về nước thải không đạt: Nước thải được gom về khu xử lý nước thải, chất lượng nước thải trước khi thải ra môi trường phải đảm bảo tuân thủ theo QCVN 40:2011/BTNMT, khi một trong các chỉ tiêu của nước thải sau xử lý không đạt sẽ vi phạm đến các quy định của pháp luật, dẫn đến Công ty phải ngừng sản xuất để khắc phục.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ đã khắc phục và vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, nắm bắt và khai thác hiệu quả các cơ hội, quản lý hệ thống và điều hành linh hoạt theo diễn biến của thị trường, các kết quả đạt được đã khẳng định rằng năm 2019, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã cố gắng phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra, mang lại lợi nhuận cho công ty và đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên, tạo uy tín cho khách hàng.

✦ **Các chỉ tiêu đạt được**

Bảng số 1: Các chỉ tiêu đạt được

| STT | Nội dung | Đơn vị | Thực hiện năm 2018 | Thực hiện năm 2019 | % TH 2019/TH 2018 |
|-----|--------------------------------|-----------|--------------------|--------------------|-------------------|
| 1 | Tổng sản lượng sx bia các loại | Triệu lít | 55,790 | 60,532 | 108,5 |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Năm 2019

| | | | | | |
|---|--------------------------------------|-----------|--------|--------|-------|
| 2 | Tổng sản lượng tiêu thụ bia các loại | Triệu lít | 55,854 | 59,386 | 106,3 |
| 3 | Tổng lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 42,8 | 66,3 | 154,9 |
| 4 | Tổng lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 39,6 | 61,2 | 154,5 |

(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|----------------|----------------|
| 1 | Bùi Văn Thiêng | Giám đốc |
| 2 | Vũ Danh Tuyên | Phó Giám đốc |
| 3 | Trần Bích Thủy | Kế toán trưởng |

Lý lịch thành viên Ban điều hành

BÙI VĂN THIÊNG

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/04/1964
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số Căn cước công dân: 030064004826 cấp ngày 11/03/2019, nơi cấp : Hà Nội
- Quê quán: Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: A.2107. 173 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0903 278 818
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa thực phẩm
- Quá trình công tác:

| | | |
|-------------------|---|--|
| Từ 1997 - 2005 | : | Cán bộ kỹ thuật Rượu Đồng Xuân |
| Từ 2005 - 2006 | : | P.Giám đốc công ty Rượu Đồng Xuân |
| Từ 2007 - 2008 | : | Giám đốc nhà máy Bia Sài Gòn- Mê Linh |
| Từ 2009 - 2010 | : | Ban Quản lý dự án công ty Bia Sài Gòn- Phú Thọ |
| Từ 2010 - 4/2014 | : | Phó Giám đốc Công ty Bia Sài Gòn- Phú Thọ |
| Từ 4/2014 đến nay | : | Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ |

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.403.370 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11.227% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 153.370 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1.227% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 1.250.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ.
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 6.438 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.051% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

VŨ DANH TUYẾN

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/05/1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 135399459
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0913 371 889
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

| | | |
|------------------|---|---|
| Từ 2003 đến 2006 | : | Phó phòng Kế toán Công ty CP Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân |
| Từ 2006 đến 2007 | : | Phó KTT Công ty Rượu Đồng Xuân (Nhà máy bia Sài Gòn- Mê Linh) |
| Từ 2007 đến 2010 | : | Kế toán dự án Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ |
| Từ 2010 đến 2014 | : | Kế toán trưởng Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ |
| Từ 2014 đến nay | : | Phó giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ |

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 5.690 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.045% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRẦN BÍCH THUY

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 26/06/1984
- Nơi sinh: Xuân Trung, Xuân Trường, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 132421633 ngày 27/08/2016 tại Phú Thọ.
- Quê quán: Xuân Trung, Xuân Trường, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Thượng Nông, Tam Nông, Phú Thọ
- Số điện thoại liên lạc: 0979.978.105

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

| | | |
|---------------------|---|--|
| Từ 2008 đến 2010 | : | Nhân viên Công ty SilkRoad Systems Việt Nam |
| Từ 2010 đến 2013 | : | Nhân viên Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ |
| Từ 2013 đến 11/2015 | : | Phụ trách phòng kế toán Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ |
| Từ 11/2015 đến nay | : | Kế toán trưởng Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu của: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.2. **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không có

2.3. **Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.**

Bảng số 2: Cơ cấu lao động

| Cơ cấu lao động | Số người | Tỷ lệ (%) |
|------------------------------------|-----------------|------------------|
| Phân theo trình độ lao động | 119 | 100 |
| Đại học và trên đại học | 40 | 33.6 |
| Cao đẳng | 16 | 13.4 |
| Trung cấp | 33 | 27.7 |
| Công nhân kỹ thuật | 30 | 25.3 |
| Lao động phổ thông | 0 | 0 |
| Phân loại theo giới tính | 119 | 100 |
| Nam | 81 | 68 |
| Nữ | 38 | 32 |

(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

⚡ **Chính sách với người lao động.**

Bảo đảm thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động như: trang bị BHLĐ, đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng quy định. Thực hiện tốt chính sách và bảo đảm quyền lợi cho người lao động khi nghỉ việc, ốm đau và thai sản.

Với một số đối tượng lao động có tiếp xúc với 1 trong những yếu tố độc hại, nguy hiểm Công ty thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật theo ngày/ ca làm việc.

Hàng năm Công ty đều có xem xét và trang cấp đầy đủ các phương tiện bảo hộ cho từng đối tượng lao động.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu

nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

+ Hoàn thiện và đưa vào sử dụng 02 tank lên men tại Phân xưởng Công nghệ.

+ Hoàn thiện việc lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống tích trữ năng lượng tank nước 2^oC.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

c) Đầu tư bổ sung:

+ Sửa chữa cơ sở hạ tầng

+ Sử dụng phần mềm quản lý sản xuất tại các công đoạn.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Bảng số 3: Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2018 (VNĐ) | Năm 2019 (VNĐ) | % 2019/2018 |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 336.896.240.706 | 394.458.822.591 | 117,1 |
| Doanh thu thuần | 561.428.356.080 | 593.391.210.490 | 105,7 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 42.796.356.812 | 66.284.983.007 | 154,9 |
| Lợi nhuận trước thuế | 42.798.092.473 | 66.327.517.657 | 155,0 |
| Lợi nhuận sau thuế | 39.600.489.656 | 61.203.133.628 | 154,6 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 30% | Dự kiến 30% | |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 của Công ty)

Năm 2019, doanh thu thuần của Công ty tăng 31,962 tỷ đồng xấp xỉ 5,7% so với năm 2018, cùng với đó lợi nhuận sau thuế tăng 54,6 % so với năm 2018. Năm 2019, tình hình tài chính của Công ty tương đối ổn định.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 4: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| CHỈ TIÊU | Đơn vị tính | Năm 2018 | Năm 2019 | Ghi chú |
|---|----------------|-------------|-------------|------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 0.94 | 1.2 | |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Năm 2019

| CHỈ TIÊU | Đơn vị tính | Năm 2018 | Năm 2019 | Ghi chú |
|--|----------------|-------------|-------------|------------|
| (TSLĐ/Nợ ngắn hạn) | | | | |
| Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ – Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn | Lần | 0.44 | 0.76 | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng Tài sản | % | 31.7 | 39.2 | |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 46.41 | 64.45 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho BQ | Vòng | 10.45 | 8.27 | |
| Doanh thu thuần/Tổng Tài sản BQ | Lần | 1.67 | 1.5 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 7.05 | 10.31 | |
| Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần | % | 7.62 | 11.17 | |
| Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ | % | 17.21 | 25.52 | |
| Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản BQ | % | 11.75 | 15.52 | |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 12.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 12.500.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 15/10/2019:

Bảng số 5: Cơ cấu cổ đông

| STT | Loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|----------|---------------------------|---------------------|---------------------|--------------------------------------|
| 1 | Cổ đông trong nước | 269 | 12.460.450 | 99.6836 |
| 1.1 | Tổ chức | 6 | 4.363.101 | 34.904 |
| 1.2 | Cá nhân | 263 | 8.097.349 | 64.778 |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 8 | 39.550 | 0.3164 |
| 2.1 | Tổ chức | 1 | 1.150 | 0.0092 |
| 2.2 | Cá nhân | 7 | 38.400 | 0.3072 |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 |
| | Tổng Cộng | 277 | 12,500,000 | 100 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

| STT | Tên nguyên liệu chính | Đơn vị tính | Lượng sử dụng 2019 |
|-----|-----------------------|-------------|--------------------|
| 1 | Vỏ lon | Cái | 155.976.354 |
| 2 | Nắp lon | Cái | 155.763.045 |
| 3 | Thùng giấy | Cái | 6.502.784 |
| 4 | Malt | kg | 6.715.394 |
| 5 | Gạo | kg | 2.388.195 |
| 6 | Men bia | kg | 23.300 |
| 7 | Hoa houblon | kg | 3.312,5 |
| 8 | Enzyme hỗ trợ lên men | kg | 1135,2 |

- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

| STT | Nhiên liệu | Đơn vị tính | Lượng sử dụng 2019 |
|-----|------------|-------------|--------------------|
| 1 | Điện | kwh | 5.440.509 |
| 2 | Dầu FO | kg | 78.680 |
| 3 | Dầu Diezen | lit | 37.860 |
| 4 | Khí đốt | kg | 876 |
| 5 | Hơi | Tấn | 15.465 |

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước:

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Công ty ký hợp đồng mua bán nước với Công ty cổ phần nước sạch Phú Thọ.
- Lượng nước sử dụng trong năm 2019:

| STT | Tên | Đơn vị tính | Lượng sử dụng 2019 |
|-----|------|----------------|--------------------|
| 1 | Nước | m ³ | 321.883 |

- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

| Năm | 2017 | 2018 | 2019 |
|---|-------------|-------------|-------------|
| Lao động bình quân (người) | 116 | 119 | 119 |
| Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng) | 9,5 | 9,7 | 11,4 |

(Nguồn: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 44 giờ/tuần, nghỉ trưa 1.5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV thỏa thuận làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản thực hiện theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

Định kỳ, Công ty tổ chức khám sức khỏe cho người lao động theo đúng quy định. Ngoài ra, hàng năm thực hiện đo kiểm môi trường lao động, các lần kiểm tra không có chỉ tiêu nào vượt ngưỡng cho phép.

- Hoạt động đào tạo người lao động.

Dựa vào nhu cầu của sản xuất kinh doanh hàng năm, Công ty đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ và năng động luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực hoạt động của công ty.

c) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Thực hiện tốt công tác xã hội hoá, chung tay cùng cộng đồng.

Hiện nay, Công ty đã tham gia thực hiện chương trình xóa nhà tạm, ủng hộ kinh phí xây nhà cho một số hộ gia đình khó khăn trên địa bàn Huyện Tam Nông – Phú Thọ.

Tặng quà cho nhân dân tại một số xã thuộc Huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ nhân dịp tết

nguyên dân.

Động viên kịp thời các gia đình CBCNV trong Công ty có gia cảnh đặc biệt khó khăn.

Ủng hộ các phong trào văn hóa thể dục, thể thao của địa bàn hoạt động của Công ty.

Thực hiện đầy đủ việc ủng hộ vận động thiên tai, bão lũ, người nghèo.... của cấp trên phát động.

6.6. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Được sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương hỗ trợ cho Công ty trong các công tác thực hiện các thủ tục hành chính cũng như hướng dẫn thực hiện các nghĩa vụ phải tuân thủ trong hoạt động kinh doanh, bảo vệ môi trường nên không có các vi phạm xảy ra.
- Việc tăng cường quảng bá hình ảnh, thay đổi mẫu mã và kiểm soát tốt chất lượng, khâu bán hàng của Sabeco giúp sản lượng tiêu thụ bia lon gia tăng.
- Thực hiện sản xuất và giao hàng bia lon theo S&OP đã giảm thời gian lưu kho.
- Đội ngũ quản lý trung gian của Công ty đã dần phát huy được vai trò, kỹ năng quản lý, kiến thức chuyên môn vào công việc, đặc biệt đội ngũ quản lý tại các phân xưởng sản xuất.
- Công nhân viên trong toàn Công ty đã cố gắng thực hiện tốt hơn vai trò trách nhiệm của mình khi được phân công.
- Việc cải tiến quy trình công nghệ tạo ra sản phẩm bia hơi được người tiêu dùng đánh giá cao.
- Các sản phẩm do công ty sản xuất đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, không có sản phẩm bị sai lỗi phải thu hồi/ hủy bỏ; máy móc thiết bị được bảo dưỡng, sửa chữa đáp ứng kịp thời với tiến độ sản xuất.
- Thời tiết các tháng 5,6,7,8 trong năm có lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm bia hơi.
- Chính sách bán hàng bia hơi của Công ty linh hoạt, do đó, giảm thiểu được các chi phí bán hàng.
- Một số hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế Công ty đang áp dụng đã thay đổi phiên bản mới: ISO 22000: 2018; ISO 17025: 2017; ISO 9001: 2015; ISO 14001: 2015 và Tổng công ty yêu cầu xây dựng hệ thống quản lý năng lượng theo ISO 50001: 2018, đòi hỏi Công ty phải đào tạo, cung cấp các nguồn lực phù hợp đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn và yêu cầu của Tổng công ty và khách hàng khác.

Đề đạt được kết quả trên Công ty cổ phần Bia Sài – Phú Thọ đã khắc phục và vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, nắm bắt và khai thác hiệu quả các cơ hội, quản lý hệ thống và điều hành linh hoạt theo diễn biến của thị trường, các kết quả đạt được đã khẳng định rằng năm 2019, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã cố gắng phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra, mang lại lợi nhuận cho công ty và đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên, tạo uy tín cho khách hàng.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Bảng số 6: Tình hình tài sản

| Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tài sản ngắn hạn | 89.568.476.011 | 166.130.985.934 |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.396.341.421 | 56.780.688.071 |
| 2. Các khoản phải thu ngắn hạn | 39.198.883.203 | 27.364.063.754 |
| - Phải thu khách hàng | 34.839.407.250 | 24.851.400.970 |
| - Trả trước cho người bán | 4.359.475.953 | 2.323.758.675 |
| - Phải thu ngắn hạn khác | 0 | 188.904.109 |
| 3. Hàng tồn kho | 47.524.562.355 | 60.901.072.344 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 448.689.032 | 21.085.161.765 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 448.689.032 | 520.867.711 |
| Thuế và các khoản phải thu NN | - | 20.564.294.054 |
| Tài sản dài hạn | 247.327.764.695 | 228.327.836.657 |
| 1. Các khoản phải thu dài hạn | 490.000.000 | 0 |
| 2. Tài sản cố định | 236.243.805.531 | 219.394.533.815 |
| - Tài sản cố định hữu hình | 236.243.805.531 | 219.394.533.815 |
| 3. Tài sản dở dang dài hạn | 0 | 0 |
| - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 0 | 0 |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 10.593.959.164 | 8.933.302.842 |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, năm 2019 của Công ty)

- b) Tình hình nợ phải trả
- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Bảng số 7: Tình hình công nợ

| NỢ PHẢI TRẢ | Năm 2018 (Đồng) | Năm 2019 (Đồng) |
|---|------------------------|------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 106.795.212.092 | 154.600.660.349 |
| I. Nợ ngắn hạn | 94.934.442.250 | 137.941.072.259 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 53.209.664.948 | 103.544.000.000 |
| 2. Phải trả cho người bán ngắn hạn | 13.933.834.519 | 12.381.445.874 |
| 3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 197.885.656 | 186.521.382 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 12.176.132.759 | 2.788.133.829 |
| 5. Phải trả người lao động | 1.831.986.350 | 2.292.249.000 |
| 6. Chi phí phải trả | 2.231.158.546 | 3.985.812.702 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 9.456.574.000 | 9.697.978.000 |
| 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 1.897.205.472 | 3.064.931.472 |
| II. Nợ dài hạn | 11.860.769.842 | 16.659.588.090 |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 11.860.769.842 | 16.659.588.090 |

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2018, năm 2019 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Điều hành có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên độc lập, giám sát hoạt động tài chính cũng như quản lý của công ty.

Năm 2019 có nhiều giải pháp, cải tiến công nghệ, thiết bị giúp tăng năng suất lao động, giảm nhân công, tiết kiệm thời gian tạo nhiều cơ hội trong sản xuất của công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Là đơn vị liên kết của Sabeco, được Sabeco bao tiêu toàn bộ sản phẩm sản xuất (không bao gồm bia hơi), do đó, để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm. Công ty định hướng phát triển theo mô hình dây chuyền, tự động hóa cao, tiết kiệm chi phí vật tư, hóa chất và năng lượng, gắn liền với giữ gìn môi trường xanh sạch đẹp gần. Xây dựng đội ngũ Cán bộ công nhân viên nhiều kinh nghiệm, năng động, nhiệt tình tâm huyết với công việc.

Đối với sản phẩm bia hơi, hàng năm công ty có những chính sách bán hàng phù hợp đi đôi với việc đảm bảo chất lượng sản phẩm bia, tạo uy tín với khách hàng.

Tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội.

Xây dựng các kế hoạch hành động nhằm thực hiện tiết kiệm năng lượng, nhân công.

Ứng dụng khoa học kỹ thuật, sử dụng các phần mềm hiện đại trong sản xuất và kinh doanh để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Giải pháp thực hiện:

1. Chấp hành các quy định, yêu cầu ở tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là quy trình công nghệ sản xuất, quản lý thiết bị, quản lý sản phẩm, vật tư, tồn kho, kế hoạch sản xuất và giao hàng.

2. Chủ động triển khai thực hiện đạt hoặc vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh Đại hội đồng cổ đông giao.

3. Cân đối nguồn vốn, dòng tiền để đảm bảo ổn định sản xuất, kinh doanh.

4. Chủ động thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng, tăng năng suất lao động đảm bảo chất lượng sản phẩm gắn liền với bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, tiết kiệm vật tư, nguyên phụ liệu và năng lượng.

5. Tiếp tục chủ động hoàn thiện cấu hình thiết bị theo hướng hoàn thiện hơn nhằm nâng cao năng lực của thiết bị.

6. Thường xuyên theo dõi, đánh giá, điều chỉnh việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật và quản lý chi phí theo hướng tích cực hơn.

7. Hoàn thiện việc xây dựng/ chuyển đổi một số hệ thống ISO về các lĩnh vực: An toàn thực phẩm, Quản lý năng lượng.

8. Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực tiềm năng để đáp ứng nhu cầu công việc

và mục tiêu lâu dài.

9. Phát huy năng lực sẵn có của đội ngũ công nhân viên, chủ động sáng tạo trong sản xuất tạo ra nhiều sáng kiến nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí trên cơ sở ghi nhận mọi sáng kiến cải tiến kỹ thuật, khuyến khích, động viên kịp thời một cách công bằng và minh bạch.

10. Tuân thủ các quy định về chế độ báo cáo, các yêu cầu pháp luật mà Công ty bị chi phối.

11. Bảo vệ môi trường làm việc cho người lao động trong Công ty cũng như môi trường xung quanh nơi Công ty hoạt động, không gây ảnh hưởng đến cộng đồng. Tích cực cải tạo cảnh quan theo hướng xanh, sạch, đẹp.

12. Tiếp tục chung tay cùng cộng đồng trong các hoạt động an sinh xã hội.

13. Tăng cường kiểm soát rủi ro trong tất cả các lĩnh vực và chủ động thực hiện các giải pháp xử lý nhanh nhất có thể (nếu có), đảm bảo cho Công ty hoạt động an toàn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện các kế hoạch hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty và hạn chế rủi ro đáng tiếc có thể xảy ra.

- Công ty thực hiện tốt chính sách với người lao động, đảm bảo thu nhập và đời sống tinh thần của CBCNV. Không chỉ vậy, Công ty đã thực hiện tốt các công tác tuyên truyền lan rộng tới người lao động trong toàn công ty về công tác đền ơn đáp nghĩa, công tác xã hội, chung tay vì cộng đồng. Hội đồng quản trị đánh giá cao các hoạt động này và mong muốn Công ty duy trì và phát huy hơn nữa.

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành công ty:

Hội đồng quản trị đánh giá cao kết quả hoạt động của Ban điều hành trong năm 2019, ghi nhận sự nỗ lực và quyết tâm trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó:

- Ban điều hành đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị; tuân thủ chặt chẽ các quy định quản trị và quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp.

- Giám sát và thúc đẩy các đơn vị thành viên triển khai chiến lược kinh doanh, chiến lược chức năng nhằm đạt các mục tiêu đã đề ra cho năm 2019.

- Ban điều hành đã báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị về tình hình tài chính, tình hình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư các dự án. Với việc trao đổi, cập nhật thông tin nhanh chóng và kịp thời như vậy, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt rõ tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và chỉ đạo công ty hoạt động hiệu quả theo định hướng chiến lược đã đề ra.

- Ban điều hành thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định và thông báo của Hội đồng quản trị.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tăng cường quản trị Công ty, tiếp tục thực hiện các chiến lược phát triển trung và dài

hạn của Công ty và các định hướng do Đại hội cổ đông thông qua, kịp thời nắm bắt các cơ hội nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.

- Công ty tập trung cho việc sản xuất các sản phẩm bia có chất lượng và uy tín trên thị trường góp phần xây dựng thương hiệu Bia Sài Gòn ngày càng vững mạnh để giữ vững vị thế và thị phần trên thị trường Việt Nam, phát huy năng lực nhằm đáp ứng nhu cầu, mong muốn của thị trường vào bất kỳ thời điểm nào của khách hàng.
- Kết hợp đồng thời mục tiêu tăng trưởng sản lượng và lợi nhuận với tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường trên cơ sở tận dụng các lợi thế sẵn có với nền tảng tài chính lành mạnh.
- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền và kế hoạch sử dụng vốn
- Gia tăng cải thiện ứng dụng công nghệ thông tin trong khâu sản xuất và quản trị doanh nghiệp.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ có 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Ghi chú |
|-----|------------------|------------------------------|-----------------|
| 1 | Nguyễn Ngọc Châu | Chủ tịch Hội đồng quản trị | Không điều hành |
| 2 | Võ Sỹ Dờng | Thành viên Hội đồng quản trị | Không điều hành |
| 3 | Nguyễn Thu Hương | Thành viên Hội đồng quản trị | Không điều hành |
| 4 | Bùi Văn Thiêng | Thành viên Hội đồng quản trị | Điều hành |
| 5 | Lê Hoài Thanh | Thành viên Hội đồng quản trị | Không điều hành |

NGUYỄN NGỌC CHÂU

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/02/1961
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 024668404 cấp ngày 02/01/2007, nơi cấp: TP Hồ Chí Minh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 33/6 Lý Văn Phúc. P. Tân Định, Quận Một, TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc: 0903 708 206
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ, cử nhân quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

| | | |
|----------------|---|--|
| Từ 1982 - 1989 | : | Cán bộ kỹ thuật Nhà máy sợi Đông Nam, Bộ Công nghiệp nhẹ |
| Từ 1989 - 1993 | : | Phó Quản đốc xưởng sợi, Nhà máy sợi Đông Nam, Bộ Công |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Năm 2019

| | | |
|----------------------|---|---|
| | : | ngiệp nhẹ. |
| Từ 1993 - 1994 | : | Trợ lý Tổng giám đốc Công ty dệt Đông Nam, Bộ Công nghiệp nhẹ |
| Từ 1994 - 2001 | : | Trưởng phòng kỹ thuật đầu tư Công ty dệt Đông Nam, Bộ Công nghiệp |
| Từ 1998 - 2004 | : | Phó tổng giám đốc Công ty dệt Đông Nam, Bộ Công nghiệp (Kiêm nhiệm Trưởng phòng kỹ thuật đầu tư từ 1998 – 2001 |
| Từ 12/2004 - 07/2005 | : | Chuyên viên Văn phòng HĐQT Tổng công ty Bia, Rượu, NGK Sài Gòn |
| Từ 08/2005 - 04/2006 | : | Giám đốc Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Sóc Trăng, Tổng công ty Bia, Rượu, NGK Sài Gòn. |
| Từ 05/2006 - 07/2007 | : | Phó giám đốc Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Miền Tây, kiêm Giám đốc nhà máy bia Sài Gòn – Sóc Trăng, Tổng công ty Bia, Rượu, NGK Sài Gòn |
| Từ 07/2007 - 2010 | : | Trưởng ban QLDA Nhà máy bia Sài Gòn – Phú Thọ |
| Từ 2010 - 2012 | : | Giám đốc Công ty cổ phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ. |
| Từ 2012 đến nay | : | Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ. |
| Từ 2016 đến nay | : | Chủ tịch Công đoàn TCT cổ phần Bia, Rượu, NGK Sài Gòn. |

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch công đoàn Tổng Công ty CP Bia, Rượu, NGK Sài Gòn
- Số cổ phần nắm giữ 2.128.750 cổ phần, chiếm tỷ lệ 17.03% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của Tổng Công ty Bia Rượu NGK Sài Gòn: 2.128.750 cổ phần, chiếm tỷ lệ 17.03% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

VÔ SỸ DŨNG

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 18/8/1949
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 013003267 cấp ngày 01/09/2007, nơi cấp: Hà Nội
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng 2006, tòa nhà Vincom center số 114 Mai Hắc Đế, Hà Nội

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Năm 2019

- Số điện thoại liên lạc: 0913 282 400
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ giấy
- Quá trình công tác:

| | | |
|------------------------|---|--|
| Từ 12/1974 đến 06/1980 | : | Cán bộ kỹ thuật- Ban kiến thiết chuẩn bị sản xuất- Nhà máy giấy Vĩnh Phú |
| Từ 07/1980 đến 07/1981 | : | Trưởng ngành bột nhà máy Giấy Vĩnh Phú |
| Từ 08/1981 đến 07/1987 | : | Phó quản đốc phân xưởng bột Nhà máy Giấy Bãi Bằng |
| Từ 02/1987 đến 12/1989 | : | Phó Giám đốc Xí nghiệp sản xuất Công ty Giấy Bãi Bằng |
| Từ 01/1990 đến 03/1993 | : | Phó Giám đốc Nhà máy Giấy Công ty Giấy Bãi Bằng |
| Từ 04/1993 đến 07/1995 | : | Giám đốc nhà máy Giấy Công ty Giấy Bãi Bằng |
| Từ 08/1995 đến 06/2004 | : | Phó Tổng Giám đốc Công ty Giấy Bãi Bằng |
| Từ 06/2004 đến 2007 | : | Tổng Giám đốc Công ty Giấy Bãi Bằng |
| Từ 2007 đến 2011 | : | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn-Phú Thọ, Tổng Giám đốc Công ty Giấy Bãi Bằng |
| Từ năm 2011 đến nay | : | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn-Phú Thọ. |

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn-Phú Thọ
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hóa chất Đại Thịnh; Tổng Giám đốc Công ty CP sản Sơn Sơn; Thành viên HĐQT Công ty CP Hóa chất Đông Á.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.053.676 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.43% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.053.676 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.43% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

NGUYỄN THU HƯƠNG

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 28/05/1980
- Nơi sinh: Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011891761 cấp ngày 13/05/2007, nơi cấp : Hà Nội
- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 10, Ngõ 58, Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0904 316 767
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Chuyên ngành Công nghệ thông tin

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Năm 2019

- Quá trình công tác:

| | | |
|---------------------|---|---|
| Từ 2002 đến 2006 | : | Cán bộ chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Thăng Long. |
| Từ 2007 đến 2012 | : | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ, Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại Mặt Trời Vàng. |
| Từ năm 2012 đến nay | : | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ, Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại Mặt Trời Vàng. |

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám Đốc Công ty CP thương mại Mặt Trời Vàng

- Số cổ phần nắm giữ : 655.266 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5.24% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 655.266 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5.24 % vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 234.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1.87% vốn điều lệ.

Trong đó :

+ Chồng Hoàng Công Thái nắm giữ: 234.300 cổ phần, chiếm 1.87% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

LÊ HOÀI THANH

- Giới tính: Nam

- Ngày/tháng /năm sinh: 10/03/1973

- Nơi sinh: Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Số CMND: 011660478 cấp ngày 15.03.2011 nơi cấp : Hà Nội

- Quê quán: Nghệ An

- Địa chỉ thường trú: Số nhà 01 Ngõ 52 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội

- Số điện thoại liên lạc: 0914888073

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Tư vấn viên

- Quá trình công tác:

| | | |
|--------------------------|---|---|
| Từ 2007 đến nay | : | Phó giám đốc công ty TNHH Tư vấn Havi Việt Nam |
| Từ tháng 12/2011 đến nay | : | Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Havi 168 |
| Từ tháng 5/ 2017 đến nay | : | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ |

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Năm 2019

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn-Phú Thọ.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Giám đốc công ty TNHH Tư vấn Havi Việt Nam ; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Havi 168
- Số cổ phần nắm giữ: 254.230 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2.0% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 254.230 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2.0% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

BUI VĂN THIÊNG

Đã nêu ở phần lý lịch Ban Điều hành

- b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Bảng số 8: Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT năm 2019

| STT | Nghị quyết | Ghi chú |
|-------------------|--|----------------------------|
| 1 | NQ số 01/2019/NQ- HĐQT: Hợp định kỳ quý 1 năm 2019 | |
| 2 | NQ số 02/2019/ NQ – HĐQT :Về việc thay đổi thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên từ ngày 23/03/2019 sang ngày 30/03/2019 | (xin ý kiến bằng văn bản) |
| 3 | NQ số 03/2019/ NQ – HĐQT: Về việc sửa đổi một số tài liệu họp Đại hội ĐHCĐ năm 2019 | (xin ý kiến bằng văn bản) |
| 4 | NQ số 04/2019/ NQ- HĐQT: Về việc chi thưởng cho HĐQT, BKS, BDH | |
| 5 | NQ số 05/2019/ NQ- HĐQT: Ngày chốt danh sách cổ đông và thời gian thực hiện chi trả cổ tức còn lại năm 2018. | |
| 6 | NQ số 06/2019/ NQ- HĐQT: Hợp định kỳ quý 2 năm 2019 | |
| 7 | NQ số 07/2019/ NQ- HĐQT: Hợp định kỳ quý 3 năm 2019 | |
| 8 | NQ số 08/2019/ NQ - HĐQT về việc ký hợp đồng triển khai phần mềm sản xuất với Công ty Mesab | (xin ý kiến bằng văn bản) |
| 9 | NQ số 09/2019/NQ – HĐQT Hợp định kỳ quý IV năm 2019 | |
| Quyết định | | |
| 1 | Quyết định số: 04/ 2019/ QĐ – HĐQT về việc ký hợp đồng mua bán nguyên vật liệu và kiểm soát sản xuất năm 2019; hợp đồng hợp tác sản xuất và mua bán hàng hóa năm 2019 với Tổng công ty CP Bi – Rượu- Nước Giải Khát Sài Gòn. | |
| 2 | Quyết định số 26/2019/QĐ- HĐQT về việc vay vốn ngân hàng để phục vụ sản xuất, kinh doanh năm 2020. | |
| 3 | Quyết định số 24/2019/QĐ – HĐQT về việc ký hợp đồng với | |

| | | |
|---|---|--|
| | tổ chức liên quan của Người nội bộ | |
| 4 | Quyết định số 25/2019/ QĐ – HĐQT về việc phê duyệt tờ trình về kế hoạch sản xuất và kinh doanh năm 2020 | |

(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên. Các thành viên của ban kiểm soát có nhiệm kỳ 05 (năm) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|------------------------|------------------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Tiến Thọ | Trưởng ban kiểm soát |
| 2 | Nguyễn Thị Hương Giang | Thành viên |
| 3 | Nguyễn Hồ Bảo Ngọc | Thành viên (bổ nhiệm từ 30.3.2019) |

NGUYỄN TIẾN THỌ

- Giới tính: Nam
- Ngày/ tháng/ năm sinh: 15/08/1956
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 130.833.297 cấp ngày 22/12/2004 , nơi cấp : CA Phú Thọ
- Quê quán: Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: số 45, Tổ 4B, Phường Nông Trang ,TP Việt Trì, Phú Thọ
- Số điện thoại liên lạc: 0913 517 431
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

| | | |
|--------------------------|---|--|
| Từ 01/2004 - 06/2012 | : | Trưởng phòng Nghiệp vụ thuế-Cục thuế tỉnh Phú Thọ |
| Từ tháng 7/2012 - 7/2014 | : | Trưởng phòng Thanh tra thuế - Cục thuế tỉnh Phú Thọ. |
| Từ tháng 8/2014- 8/2016 | : | Trưởng phòng Kiểm tra thuế số 1- Cục thuế tỉnh Phú Thọ. |
| Từ tháng 9/2016 đến nay | : | Nghỉ hưu theo chế độ |
| Từ tháng 5/2017 đến nay | : | Trưởng Ban Kiểm soát công ty cổ phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ. |

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 2.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0184 % vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 2.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0184% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 28/10/1984
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 131589129 cấp ngày 24/10/2011, nơi cấp: Phú Thọ
- Quê quán: Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: Khu Tâm Vông, TT Phong Châu, Phù Ninh, Phú Thọ
- Số điện thoại liên lạc: 0985 560 810
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

| | | |
|--------------------|---|---|
| Từ 2007-2008 | : | Nhân viên Kế toán Công ty TNHH SX và TMTH Hưng Thành |
| Từ 2009 – 06/2012 | : | Kế toán trưởng Công ty TNHH SX và TMTH Hưng Thành |
| Từ 06/2012 đến nay | : | Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ, Kế toán trưởng Công ty TNHH SX và TMTH Hưng Thành |

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên BKS Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH SX và TMTH Hưng Thành
- Số cổ phần nắm giữ: 185.932 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1.49% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 185.932 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1.49% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

NGUYỄN HỒ BẢO NGỌC

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 18/11/1981
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 99/25 Dương Văn Dương, Phường Tân Phú, Q.Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại liên lạc: 0932 72 79 78
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

| | | |
|-------------------------|---|---|
| Từ 2005 -2008 | : | Chuyên viên nghiệp vụ phi hàng hải Công ty Bảo hiểm AAA. |
| Từ 2008- 2016 | : | Nhân viên quan hệ khách hàng phòng DN lớn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex. |
| Từ 2016 - nay | : | Chuyên viên phân tích tài chính - TCT CP Bia- Rượu - NGK Sài Gòn. |
| Từ tháng 3/2019 đến nay | : | Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ. |

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Chuyên viên Phân tích Ban Tài Chính Tổng công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn.
 - + Thành viên Ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco.
 - + Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bao Bì Bia Sài Gòn.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

b) Các hoạt động của Ban kiểm soát.

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo Điều lệ của Công ty cũng như tuân thủ các quy định khác của Pháp luật:

- Thực hiện giám sát các hoạt động, tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành Công ty.
- Thực hiện các đợt làm việc để xem xét kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong năm.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- Đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập (là Công ty Kiểm toán có trong danh sách Công ty Kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2019 và có kinh nghiệm, uy tín trong công tác kiểm toán cho công ty niêm yết và tổ chức đăng ký giao dịch)

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ**

Năm 2019

- Kiểm soát việc chấp hành chế độ chi tiêu nội bộ tại Công ty.
- Kiểm soát việc chấp hành pháp luật và qui chế, qui định của Công ty về việc mua bán hàng hóa, sản phẩm
- Các công việc khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát:

Bảng số 9: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

| S T T | Họ và Tên | Chức vụ | Thưởng năm 2019 (VNĐ) | Thù lao, Lương (VNĐ) | Tổng thu nhập (VNĐ) |
|-------------|------------------------|---------------|-----------------------|----------------------|---------------------|
| 1 | Nguyễn Ngọc Châu | Chủ tịch HĐQT | 36.000.000 | 144.000.000 | 180.000.000 |
| 2 | Võ Sỹ Dũng | TV HĐQT | 27.000.000 | 108.000.000 | 135.000.000 |
| 3 | Nguyễn Thu Hương | TV HĐQT | 27.000.000 | 108.000.000 | 135.000.000 |
| 4 | Bùi Văn Thiêng | TV HĐQT | 27.000.000 | 108.000.000 | 135.000.000 |
| | | Giám đốc | 145.864.000 | 913.204.000 | 1.059.068.000 |
| 5 | Lê Hoài Thanh | TV HĐQT | 27.000.000 | 108.000.000 | 135.000.000 |
| 6 | Nguyễn Tiến Thọ | Trưởng ban KS | 27.000.000 | 108.000.000 | 135.000.000 |
| 7 | Nguyễn Thị Hương Giang | TV BKS | 18.000.000 | 72.000.000 | 90.000.000 |
| 8 | Nguyễn Hồ Bảo Ngọc | TV BKS | 18.000.000 | 54.000.000 | 72.000.000 |
| 9 | Vũ Danh Tuyên | Phó Giám đốc | 99.685.000 | 566.687.000 | 666.372.000 |

Ghi chú: Bà Đoàn Thị Xuân Duyên được miễn nhiệm chức vụ Thành viên Ban kiểm soát ngày 30.03.2019.

(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

| STT | Tên hợp đồng /giao dịch và ký hiệu | Đơn vị thực hiện | Quan hệ với công ty/ người nội bộ |
|-----|---|---|-----------------------------------|
| 1 | Hợp đồng mua bán nguyên vật liệu và kiểm soát sản xuất năm 2019; hợp đồng hợp tác sản xuất và mua bán hàng hóa năm 2019 | Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn | Cổ đông lớn |

| STT | Tên hợp đồng /giao dịch và ký hiệu | Đơn vị thực hiện | Quan hệ với công ty/ người nội bộ |
|-----|--|---|--|
| 2 | Hợp đồng mua bán NaOH 32% | Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên | Con trai Ông Võ Sỹ Dũng – TV HĐQT làm Giám đốc |
| 3 | Hợp đồng phân phối sản phẩm Bia hơi | Công ty TNHH Thương Mại Chiêu Xuân | Vợ của Phó Giám đốc là TV HĐQT |
| 4 | Hợp đồng cài đặt phần mềm quản lý sản xuất | Công ty TNHH một thành viên Cơ khí Sabeco | Công ty trong cùng hệ thống |

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện công bố đầy đủ và đúng hạn các báo cáo tài chính bán niên, quý và báo cáo kiểm toán năm 2019, các thông tin về hoạt động kinh doanh, tài chính và quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo quy định của pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã đề cập phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

(Chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính:

<http://saigonphutho.com.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – PHÚ THỌ

Người đại diện theo pháp luật



Bùi Văn Thiêng



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số

2600393941

ngày 30 tháng 5 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2600393941 ngày 30 tháng 5 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Châu
Ông Võ Sỹ Dũng
Bà Nguyễn Thu Hương
Ông Bùi Văn Thiêng
Ông Lê Hoài Thanh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tiến Thọ
Bà Nguyễn Thị Hương Giang
Bà Nguyễn Hồ Bảo Ngọc

Bà Đoàn Thị Xuân Duyên

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 30 tháng 3 năm 2019)
Thành viên
(đến ngày 30 tháng 3 năm 2019)

Ban Giám đốc

Ông Bùi Văn Thiêng
Ông Vũ Danh Tuyên

Giám đốc
Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu công nghiệp Trung Hà
Xã Hồng Đà, huyện Tam Nông
Tỉnh Phú Thọ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Bùi Văn Thiêng
Giám đốc

Tỉnh Phú Thọ, ngày 5 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 1 năm 2019.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00266-20-2



Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|--|--------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 166.130.985.934 | 89.568.476.011 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 56.780.688.071 | 2.396.341.421 |
| Tiền | 111 | | 3.280.688.071 | 2.396.341.421 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 53.500.000.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 27.364.063.754 | 39.198.883.203 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 24.851.400.970 | 34.839.407.250 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 2.323.758.675 | 4.359.475.953 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 188.904.109 | - |
| Hàng tồn kho | 140 | 7 | 60.901.072.344 | 47.524.562.355 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 21.085.161.765 | 448.689.032 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 520.867.711 | 448.689.032 |
| Thuế phải thu Nhà nước | 153 | 11(b) | 20.564.294.054 | - |
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260) | 200 | | 228.327.836.657 | 247.327.764.695 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | 490.000.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | 490.000.000 |
| Tài sản cố định | 220 | 8 | 219.394.533.815 | 236.243.805.531 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 219.394.533.815 | 236.243.805.531 |
| Nguyên giá | 222 | | 509.995.048.427 | 486.708.025.314 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (290.600.514.612) | (250.464.219.783) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 8.933.302.842 | 10.593.959.164 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 9 | 8.933.302.842 | 10.518.209.164 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | 75.750.000 |
| TỔNG TÀI SẢN 270 = 100 + 200) | 270 | | 394.458.822.591 | 336.896.240.706 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 154.600.660.349 | 106.795.212.092 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 137.941.072.259 | 94.934.442.250 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 10 | 12.381.445.874 | 13.933.834.519 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 186.521.382 | 197.885.656 |
| Thuế phải nộp Nhà nước | 313 | 11(a) | 2.788.133.829 | 12.176.132.759 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 2.292.249.000 | 1.831.986.350 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 3.985.812.702 | 2.231.158.546 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 12 | 9.697.978.000 | 9.456.574.000 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 13(a) | 103.544.000.000 | 53.209.664.948 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 14 | 3.064.931.472 | 1.897.205.472 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 16.659.588.090 | 11.860.769.842 |
| Vay dài hạn | 338 | 13(b) | 16.659.588.090 | 11.860.769.842 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 239.858.162.242 | 230.101.028.614 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 15 | 239.858.162.242 | 230.101.028.614 |
| Vốn cổ phần | 411 | 16 | 125.000.000.000 | 125.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 125.000.000.000 | 125.000.000.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 18 | 23.517.055.477 | 23.517.055.477 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 91.341.106.765 | 81.583.973.137 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 51.387.973.137 | 56.983.483.481 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 39.953.133.628 | 24.600.489.656 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 394.458.822.591 | 336.896.240.706 |

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Trần Bích Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2019 VND | 2018 VND |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng | 01 | 19 | 593.391.210.490 | 561.428.356.080 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 20 | 503.801.016.781 | 496.619.513.780 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11) | 20 | | 89.590.193.709 | 64.808.842.300 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 1.193.486.534 | 228.070.408 |
| Chi phí tài chính | 22 | | 2.832.916.937 | 2.930.109.490 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 2.832.916.937 | 2.930.109.490 |
| Chi phí bán hàng | 25 | | 5.052.692.194 | 5.823.044.260 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 21 | 16.613.088.105 | 13.487.402.146 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 66.284.983.007 | 42.796.356.812 |
| Thu nhập khác | 31 | | 42.534.650 | 133.811.184 |
| Chi phí khác | 32 | | - | 132.075.523 |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 42.534.650 | 1.735.661 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 66.327.517.657 | 42.798.092.473 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 23 | 5.048.634.029 | 3.273.352.817 |
| Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại | 52 | 23 | 75.750.000 | (75.750.000) |
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 61.203.133.628 | 39.600.489.656 |
| Lãi trên cổ phiếu | | | | |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 24 | 4.281 | 2.630 |

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Trần Bích Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã Thuyết số minh | 2019 VND | 2018 VND |
|--|------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | 66.327.517.657 | 42.798.092.473 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | 40.136.294.829 | 37.255.807.737 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (1.193.486.534) | (151.402.002) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 2.832.916.937 | 2.930.109.490 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | 108.103.242.889 | 82.832.607.698 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | (9.310.280.806) | (8.015.534.799) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | (13.376.509.989) | (3.901.962.214) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | (9.031.892.631) | (58.601.131.259) |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | 1.512.727.643 | (860.169.226) |
| | | 77.897.287.106 | 11.453.810.200 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (2.757.057.389) | (2.964.950.944) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (4.197.243.284) | (3.645.390.666) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (6.528.274.000) | (6.311.446.245) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 64.414.712.433 | (1.467.977.655) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua sắm tài sản cố định | 21 | (22.181.659.508) | (13.843.337.653) |
| Tiền thu lãi tiền gửi | 27 | 1.004.582.425 | 220.286.446 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (21.177.077.083) | (13.623.051.207) |

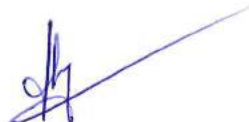
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã Thuyết số minh | 2019 VND | 2018 VND |
|---|--------------------------|-----------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 418.012.174.515 | 472.399.671.122 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (362.879.021.215) | (474.730.947.965) |
| Tiền chi trả cổ tức | 36 | (43.986.442.000) | (50.010.426.250) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 11.146.711.300 | (52.341.703.093) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 54.384.346.650 | (67.432.731.955) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 2.396.341.421 | 69.829.073.376 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) | 70 5 | 56.780.688.071 | 2.396.341.421 |

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Trần Bích Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng
Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát và các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia, rượu và nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 120 nhân viên (1/1/2019: 120 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản và tỷ giá bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không năm hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 12 – 48 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 12 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 3 – 10 năm |

(f) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(g) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(l) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong năm, không diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2019 | 1/1/2019 |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 557.370.056 | 527.853.225 |
| Tiền gửi ngân hàng | 2.723.318.015 | 1.868.488.196 |
| Các khoản tương đương tiền | 53.500.000.000 | - |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 56.780.688.071 | 2.396.341.421 |

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5% một năm (1/1/2019: Không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn – bên liên quan | 24.851.400.970 | 34.832.174.850 |
| Các khách hàng khác | - | 7.232.400 |
| | <u>24.851.400.970</u> | <u>34.839.407.250</u> |

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

7. Hàng tồn kho

| | 31/12/2019 | | 1/1/2019 | |
|--|-----------------------|-----------------|--------------------------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND (Đã phân loại lại) | Dự phòng VND |
| Nguyên vật liệu | 22.768.990.019 | - | 21.578.385.264 | - |
| Công cụ và dụng cụ | 13.643.810.655 | - | 15.208.154.005 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 13.122.566.185 | - | 9.174.583.716 | - |
| Thành phẩm | 11.365.705.485 | - | 1.563.439.370 | - |
| | <u>60.901.072.344</u> | <u>-</u> | <u>47.524.562.355</u> | <u>-</u> |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | Thiết bị quản lý VND | Tổng VND |
|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|----------------------------|-----------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 123.230.168.051 | 353.540.033.734 | 7.946.335.259 | 1.991.488.270 | 486.708.025.314 |
| Tăng trong năm | 126.070.000 | 22.935.953.113 | - | 225.000.000 | 23.287.023.113 |
| Số dư cuối năm | 123.356.238.051 | 376.475.986.847 | 7.946.335.259 | 2.216.488.270 | 509.995.048.427 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 28.794.072.332 | 215.603.025.889 | 5.142.019.584 | 925.101.978 | 250.464.219.783 |
| Khấu hao trong năm | 4.960.912.037 | 34.199.152.920 | 720.467.088 | 255.762.784 | 40.136.294.829 |
| Số dư cuối năm | 33.754.984.369 | 249.802.178.809 | 5.862.486.672 | 1.180.864.762 | 290.600.514.612 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số dư đầu năm | 94.436.095.719 | 137.937.007.845 | 2.804.315.675 | 1.066.386.292 | 236.243.805.531 |
| Số dư cuối năm | 89.601.253.682 | 126.673.808.038 | 2.083.848.587 | 1.035.623.508 | 219.394.533.815 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 2.444 triệu VND (1/1/2019: 2.275 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 218.154 triệu VND (1/1/2019: 188.646 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Chi phí trả trước dài hạn

| | Bao bì lưu chuyển VND | Công cụ và dụng cụ VND | Tổng VND |
|-------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 4.377.430.733 | 6.140.778.431 | 10.518.209.164 |
| Tăng trong năm | 2.604.449.891 | 6.532.857.855 | 9.137.307.746 |
| Phân bổ trong năm | (3.111.994.916) | (7.610.219.152) | (10.722.214.068) |
| Số dư cuối năm | 3.869.885.708 | 5.063.417.134 | 8.933.302.842 |

10. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

| | Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ | |
|--|---|-----------------|
| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn | 8.273.322.123 | 7.817.994.932 |
| Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh | - | 2.064.480.000 |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đại Nam | 1.389.582.193 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 2.718.541.558 | 4.051.359.587 |
| | 12.381.445.874 | 13.933.834.519 |

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

| | Giá trị ghi sổ/Số có Khả năng trả nợ | |
|--|---|-----------------|
| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn | 8.273.322.123 | 7.817.994.932 |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh | - | 20.119.000 |

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Thuế phải nộp Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2019 VND | Số phát sinh trong năm VND | Số đã nộp/cán trừ trong năm VND | Chuyển sang thuế phải thu VND | 31/12/2019 VND |
|----------------------------|-----------------|----------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 3.998.124.147 | 108.653.354.514 | (111.402.630.619) | - | 1.248.848.042 |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 7.377.583.489 | 492.647.531.729 | (520.589.409.272) | 20.564.294.054 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 654.236.450 | 5.048.634.029 | (4.197.243.284) | - | 1.505.627.195 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 146.188.673 | 1.991.487.899 | (2.104.017.980) | - | 33.658.592 |
| | 12.176.132.759 | 608.341.008.171 | (638.293.301.155) | 20.564.294.054 | 2.788.133.829 |

(b) Thuế phải thu Nhà nước

| | 1/1/2019 VND | Chuyển từ thuế phải nộp VND | 31/12/2019 VND |
|------------------------|-----------------|-----------------------------------|-------------------|
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | - | 20.564.294.054 | 20.564.294.054 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|-------------------------------|-------------------|-----------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 7.074.100.000 | 6.594.200.000 |
| Cổ tức phải trả | 2.592.681.000 | 2.829.123.000 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 31.197.000 | 33.251.000 |
| | 9.697.978.000 | 9.456.574.000 |

13. Vay

(a) Vay ngắn hạn

| | 1/1/2019 Giá trị ghi sổ/số có khả năng trả nợ VND | Biến động trong năm | | 31/12/2019 Giá trị ghi sổ/số có khả năng trả nợ VND |
|----------------------------|--|---------------------|-------------------|--|
| | | Tăng VND | Giảm VND | |
| Vay ngắn hạn | 46.000.000.000 | 403.711.021.215 | (354.211.021.215) | 95.500.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 7.209.664.948 | 9.502.335.052 | (8.668.000.000) | 8.044.000.000 |
| | 53.209.664.948 | 413.213.356.267 | (362.879.021.215) | 103.544.000.000 |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|--|-----------|-----------------|-------------------|-----------------|
| Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh (*) | VND | 5,1% - 6,2% | 95.500.000.000 | 46.000.000.000 |

(*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình như được trình bày ở thuyết minh 13(b).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

| | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|---------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Vay dài hạn | 24.703.588.090 | 19.070.434.790 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (8.044.000.000) | (7.209.664.948) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 16.659.588.090 | 11.860.769.842 |
| | <hr/> | <hr/> |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2019 VND | 1/1/2019 VND |
|--|------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh (*) | VND | 7,7% - 8,1% | 2022 - 2023 | 24.703.588.090 | 19.070.434.790 |
| | | | | <hr/> | <hr/> |

(*) Các khoản vay dài hạn có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND.

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 218.154 triệu VND (1/1/2019: 188.646 triệu VND) (Thuyết minh 8).

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

| | 2019 VND | 2018 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 1.897.205.472 | 1.476.979.230 |
| Trích lập trong năm (Thuyết minh 15) | 2.500.000.000 | 2.500.000.000 |
| Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm trước (Thuyết minh 15) | 5.196.000.000 | 4.231.672.487 |
| Sử dụng trong năm | (6.528.274.000) | (6.311.446.245) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 3.064.931.472 | 1.897.205.472 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018

Lợi nhuận thuần trong năm
 Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 14)
 Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm trước
 (Thuyết minh 14)
 Cổ tức (Thuyết minh 17)

| Vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng VND |
|--------------------|---------------------------------|---|------------------|
| 125.000.000.000 | 23.517.055.477 | 98.715.155.968 | 247.232.211.445 |
| - | - | 39.600.489.656 | 39.600.489.656 |
| - | - | (2.500.000.000) | (2.500.000.000) |
| - | - | (4.231.672.487) | (4.231.672.487) |
| - | - | (50.000.000.000) | (50.000.000.000) |

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019

Lợi nhuận thuần trong năm
 Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 14)
 Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm trước
 (Thuyết minh 14)
 Cổ tức (Thuyết minh 17)

| | | | |
|-----------------|----------------|------------------|------------------|
| 125.000.000.000 | 23.517.055.477 | 81.583.973.137 | 230.101.028.614 |
| - | - | 61.203.133.628 | 61.203.133.628 |
| - | - | (2.500.000.000) | (2.500.000.000) |
| - | - | (5.196.000.000) | (5.196.000.000) |
| - | - | (43.750.000.000) | (43.750.000.000) |

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

| | | | |
|-----------------|----------------|----------------|-----------------|
| 125.000.000.000 | 23.517.055.477 | 91.341.106.765 | 239.858.162.242 |
|-----------------|----------------|----------------|-----------------|

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 31/12/2019 và 1/1/2019 | |
|---|-------------------------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 12.500.000 | 125.000.000.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 12.500.000 | 125.000.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

17. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 30 tháng 3 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 37.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (2018: phân phối cổ tức của năm 2017 là 37.500 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu).

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 9 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 18.750 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2018: tạm ứng 12.500 triệu VND cổ tức của năm 2018, tương đương 1.000 VND/cổ phiếu).

18. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội Đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

| | 2019 VND | 2018 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Bán thành phẩm | 588.048.479.161 | 556.789.111.080 |
| <i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i> | <i>1.080.696.010.890</i> | <i>1.018.853.686.260</i> |
| <i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i> | <i>(492.647.531.729)</i> | <i>(462.064.575.180)</i> |
| ▪ Doanh thu khác | 5.342.731.329 | 4.639.245.000 |
| | 593.391.210.490 | 561.428.356.080 |

20. Giá vốn hàng bán

| | 2019 VND | 2018 VND |
|-----------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tổng giá vốn hàng bán | | |
| ▪ Thành phẩm đã bán | 502.391.564.246 | 496.112.795.276 |
| ▪ Giá vốn khác | 1.409.452.535 | 506.718.504 |
| | 503.801.016.781 | 496.619.513.780 |

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2019 VND | 2018 VND |
|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nhân viên | 9.071.363.163 | 6.791.570.340 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 2.318.981.555 | 1.334.559.787 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.436.920.009 | 4.757.586.169 |
| Chi phí quản lý khác | 785.823.378 | 603.685.850 |
| | 16.613.088.105 | 13.487.402.146 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

| | 2019 | 2018 |
|--|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 437.733.502.847 | 426.243.525.763 |
| Chi phí nhân công và nhân viên | 26.020.358.465 | 20.914.403.348 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 40.136.294.829 | 37.255.807.737 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 28.395.060.974 | 24.897.254.377 |
| Chi phí khác | 7.149.932.762 | 6.447.985.132 |
| | | |

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | 2019 | 2018 |
|---|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 5.048.634.029 | 3.273.352.817 |
| Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời | 75.750.000 | (75.750.000) |
| | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 5.124.384.029 | 3.197.602.817 |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2019 | 2018 |
|---------------------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 66.327.517.657 | 42.798.092.473 |
| | | |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 9.949.127.649 | 6.419.713.871 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 148.140.409 | 126.991.763 |
| Ưu đãi thuế | (5.048.634.029) | (3.349.102.817) |
| Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 75.750.000 | - |
| | | |
| | 5.124.384.029 | 3.197.602.817 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm tính từ năm đầu tiên đi vào hoạt động (2011). Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2011 đến 2013) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ 2014 đến 2020).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

| | 2019 | 2018 |
|--|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận thuần trong năm | 61.203.133.628 | 39.600.489.656 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (7.696.000.000) | (6.731.672.487) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông | 53.507.133.628 | 32.868.817.169 |
| | <hr/> | <hr/> |

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 12.500.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Giá trị giao dịch | |
|---|-------------------|-----------------|
| | 2019 VND | 2018 VND |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | | |
| Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt) | 1.010.778.351.359 | 961.848.772.950 |
| Mua nguyên vật liệu | 370.842.387.200 | 360.371.075.691 |
| Cổ tức | 11.825.625.000 | 13.515.000.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Chiêu Xuân | | |
| Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt) | 13.590.958.000 | 22.554.555.840 |
| Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân | | |
| Cổ tức | 2.985.675.000 | 3.412.200.000 |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh | | |
| Mua hàng hóa | 361.150.000 | 188.840.000 |
| Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên | | |
| Mua hàng hóa | 841.812.000 | 716.870.000 |
| Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây | | |
| Mua hàng hóa | 98.286.545 | - |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be Co | | |
| Mua dịch vụ | 766.305.176 | - |
| Nhân sự quản lý chủ chốt | | |
| Lương, thưởng và thù lao | 3.657.608.508 | 2.899.771.981 |

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Số liệu so sánh

Ngoài một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Hàng tồn kho

| | 1/1/2019 VND (phân loại lại) | 1/1/2019 VND (theo báo cáo trước đây) |
|-----------------|---|--|
| Nguyên vật liệu | 21.578.385.264 | 29.860.539.932 |
| Công cụ dụng cụ | 15.208.154.005 | 6.925.999.337 |

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Trần Bích Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng
Giám đốc

